**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

**( Bộ sách Chân trời sáng tạo)**

**1. MA TRẬN:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢN ĐẶC TẢ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ  Vẫn để phần này là thơ và thơ lục bát giống bản của Bộ đi em! | **Nhận biết:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận.  - Xác định được các bước làm bài văn nghị luận;  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ  **Vận dụng:**  - Viết được bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**Tiếng chổi tre**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Những đêm hè  Khi ve ve  Đã ngủ  Tôi lắng nghe  Trên đường Trần Phú  Tiếng chổi tre  Xao xác  Hàng me  Tiếng chổi tre  Đêm hè  Quét rác... | Những đêm đông  Khi cơn giông  Vừa tắt  Tôi đứng trông  Trên đường lặng ngắt  Chị lao công  Như sắt  Như đồng  Chị lao công  Đêm đông  Quét rác... | Sáng mai ra  Gánh hàng hoa  Xuống chợ  Hoa Ngọc Hà  Trên đường rực nở  Hương bay xa  Thơm ngát  Đường ta  Nhớ nghe hoa  Người quét rác  Đêm qua. | Nhớ em nghe  Tiếng chổi tre  Chị quét  Những đêm hè  Đêm đông gió rét  Tiếng chổi tre  Sớm tối  Đi về  Giữ sạch lề  Đẹp lối  Em nghe! |

- 6-1960 –

(Tố Hữu, *Gió lộng*, NXB Văn học, 1981)

**Câu 1.** Văn bản “*Tiếng chổi tre*” được viết theo thể thơ nào? ( Nhận biết)

A. Thể thơ lục bát B. Thể thơ tự do

C. Thể thơ sáu chữ D. Thể thơ ngũ ngôn.

**Câu 2.** Trong các từ sau, từ nào là từ láy? ( NHẬN BIẾT)

A. Xao xác

B. Đêm đông

C. Hàng hoa

D. Bay xa

**Câu hỏi này có thể đã hỏi ở kì 1 (vì kì 1 học từ láy mà)**

**Câu 3.** Ý nào sau đây nêu đúng yếu tố tự sự được sử dụng trong văn bản “Tiếng chổi tre”? ( Nhận biết)

A. Kể lại công việc vất vả của chị lao công.

B. Hình ảnh “Hoa Ngọc Hà /Rực rỡ”.

C. Hình ảnh “Chị lao công / Như sắt /Như đồng. ”.

D. Kể lại công việc của những người gánh hàng hoa xuống chợ bán. .

**Câu 4.** Đoạn thơ sau có nội dung gì? (THÔNG HIỂU) chị nghĩ câu kiểu này sẽ không hỏi vì ko có trong yêu cầu cần đạt.

Tiếng chổi tre

Chị quét

Những đêm hè

Đêm đông gió rét

Tiếng chổi tre

Sớm tối

Đi về

Giữ sạch lề

Đẹp lối

A. Ca ngợi công việc và sự tận tụy của chị lao công.

B. Công lao của chị lao công là rất to lớn.

C. Chị lao công làm việc rất lâu, qua nhiều năm.

D. Chị lao công rất tự hào về công việc của mình.

**Câu 5.** Hình ảnh chị lao công qua các câu thơ “ Chị lao công / Như sắt / Như đồng “ có điểm gì độc đáo? (THÔNG HIỂU)

A. Là hình ảnh mới lạ, độc đáo khắc họa vẻ đẹp khỏe mạnh, rắn rỏi của chị lao công.

B. Là hình ảnh mộc mạc, gần gũi của chị lao công.

C. Là hình ảnh thơ mộng, trữ tình, lãng mạn phù hợp với cảm xúc của nhà thơ.

D. Là những hình ảnh sáng tạo, độc đáo để nói về công việc vất vả của chị lao công.

**Câu 6.** Chủ đề của bài thơ *“Tiếng chổi tre ”* là gì? ( THÔNG HIỂU)

A. Thiên nhiên khắc nghiệt và điều kiện khó khăn của người lao động.

B. Ngợi ca vẻ đẹp của người lao động.

C. Hình ảnh người lao động trong điều kiện lao động khắc nghiệt.

D. Tình yêu thương giữa con người với con người.

**Câu 7.** Tác dụng của yếu tố miêu tả trong câu thơ: “ Những đêm hè /Đêm đông gió rét/ Tiếng chối tre /Sớm tối / Đi về” : ( THÔNG HIỂU)

A. Nhấn mạnh sự thay đổi của thời tiết đêm hè và đêm đông.

B. Nhấn mạnh niềm tự hào của chị lao công.

C. Nhấn mạnh sự chăm chỉ và nỗi vất vả của chị lao công.

D. Nhấn mạnh sự thay đổi của đường phố vào mùa đông và mùa hè

**Câu 8.** Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ được thể hiện qua bài thơ: ( THÔNG HIỂU)

A. Sự xót thương cho công việc vất vả của người lao công.

B. Trân trọng, biết ơn, ngợi ca những người lao công.

C. Đề cao, ca ngợi, xót thương cho những người lao công.

D. yêu quý, xót xa cho nỗi vất vả của những người lao công.

**Câu 9**. Em hãy ghi lại những cảm nhận của em sau khi đọc văn bản “*Tiếng chổi tre*”. **( Vận dụng) nên thay đổi câu hỏi khác. VD:**

**Câu 10**. Từ cảm nhận về công việc của người lao công trong bài thơ trên, em rút ra được bài học gì trong cách ứng xử của bản thân đối với những con người lao động bình thường? **(Vận dụng)**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**PHẦN II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Câu 11. Công nghệ ngày càng phát triển, mọi người bị cuốn vào những ứng dụng mạng xã hội như Facebook, Zalo, tiktok.... Công nghệ khiến cho các thành viên trong gia đình “gần mà xa”. Em có đồng tình với ý kiến trên hay không?

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | HS trình bày những cảm nhận riêng về văn bản. | 1,0 |
|  | **10** | HS nêu được những cách ứng xử hợp lý, có thể là một trong những cách ứng xử như sau:  + Yêu quý trân trọng những con người lao động.  + Có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, góp phần bảo vệ môi trường. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*:  *Nghị luận về một vấn đề của đời sống.* | 0,25 |
|  | *c. Nghị luận về vấn đề của cuộc sống*  HS có thể giải quyết vấn đề theo các hướng sau: |  |
|  | Mở bài:  Giới thiệu vấn đề nghị luận: Công nghệ khiến cho mọi thành viên trong gia đình gần mà xa.  2. Thân bài:  - Giải thích ý kiến: Công nghệ khiến mọi người trong gia đình sống cành gần nhau nhưng ngày càng xa nhau hơn, thiếu thời gian và sự quan tâm cho nhau.  - Tại sao nói: Công nghệ khiến cho các thành viên trong gia đình gàn mà xa nhau hơn:  + Mọi người dành thời gian sống ảo, không quan tâm thế giới thật. Không dành thời gian và sự quan tâm cho nhau.  + Dẫn chứng: khi mọi thành viên ngồi gần nhau nhưng mải miết điện thoại để lướt, để đọc , để vui. Những lời chúc đưa lên Zalo, facbook,…Mọi nỗi buồn không được chia sẻ cùng nhau.  - Cần làm gì để cho công nghệ thông tin làm cho các thành viên trở nên xa mà gần.  + Biến công nghệ thành sợ dây kết nối yêu thương khi những điều khó nóithành lời có thể đến với mọi người.  + Thu hẹp khoảng cách về không gian để mọi người gần nhau hơn.  + Mỗi người cần có ý thức dành thời gian cho nhau.  3. Kết bài  Thông điệp: mọi người hãy yêu thương nhau và dành thời gian cho nhau. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, rõ ràng, diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc. | 0,5 |